

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án Đường giao thông liên thôn, liên bản
tại các xã khó khăn thuộc các huyện: Mường Lát, Quan Sơn,
Lang Chánh, Thường Xuân, Như Thanh, Như Xuân**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công năm 2022;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 184/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn năm 2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 3803/TTr-SGTVT ngày 03/7/2023 về việc phê duyệt dự án Đường giao thông liên thôn, liên bản tại các xã khó khăn thuộc các huyện Mường Lát, Quan Sơn, Lang Chánh, Thường Xuân, Như Thanh, Như Xuân (kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 3771/SGTVT-TĐKHKT ngày 30/6/2023).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Đường giao thông liên thôn, liên bản tại các xã khó khăn thuộc các huyện: Mường Lát, Quan Sơn, Lang Chánh, Thường Xuân, Như Thanh, Như Xuân với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Đường giao thông liên thôn, liên bản tại các xã khó khăn thuộc các huyện: Mường Lát, Quan Sơn, Lang Chánh, Thường Xuân, Như Thanh, Như Xuân.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

3. Chủ đầu tư: Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Thanh Hóa.

4. Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty cổ phần tư vấn thiết kế đầu tư và xây dựng Hưng Thịnh.

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Nhằm giảm bớt khó khăn trong việc đi lại, góp phần phát triển kinh tế xã hội, xóa đói giảm nghèo, tăng cường an ninh quốc phòng khu vực.

6. Quy mô đầu tư xây dựng: Đào, đắp mở rộng đảm bảo chiều rộng nền đường tương đương đường giao thông nông thôn cấp C theo TCVN 10380:2014 có $B_n=4m$.

7. Giải pháp thiết kế chủ yếu

- Bình đồ tuyến: Hướng tuyến hoàn toàn đi theo đường mòn cũ hiện đang được khai thác sử dụng, chỉ mở rộng nền đường theo tiêu chuẩn kỹ thuật từng tuyến.
- Cắt dọc tuyến: Cơ bản giữ nguyên cao độ nền đường hiện tại.
- Cắt ngang tuyến: Bề rộng nền đường $B_n=4m$; dốc ngang $i=(2-4)\%$.
- Mặt đường: Đường đất.
- Công trình thoát nước: Thoát nước bằng chảy tỏa và đào rãnh đất.

(chi tiết như hồ sơ thiết kế cơ sở kèm theo).

8. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng

- Địa điểm xây dựng: Trên địa bàn các xã thuộc 06 huyện: Mường Lát, Quan Sơn, Lang Chánh, Thường Xuân, Như Thanh, Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá.
- Diện tích sử dụng đất: Dự án không chiếm dụng đất.

9. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Nhóm C, công trình giao thông, cấp IV.

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn

- Số bước thiết kế: 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).
- Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu áp dụng: Chấp thuận danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng cho dự án theo báo cáo thẩm định số 3771/SGTVT-TĐKHKT ngày 30/6/2023 của Sở Giao thông vận tải.

11. Tổng mức đầu tư phê duyệt: 16.085.787.000 đồng (Mười sáu tỷ, không trăm tám mươi lăm triệu, bảy trăm tám mươi bảy nghìn đồng); trong đó:

- Chi phí xây dựng: 15.546.381.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 430.635.000 đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXDCT: 105.715.000 đồng;
- Chi phí khác: 3.056.000 đồng.

(chi tiết có phụ lục Tổng mức đầu tư kèm theo).

12. Nguồn vốn và cơ cấu vốn đầu tư: Thực hiện theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm. Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí cần thiết, phần còn lại Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Thanh Hóa phối hợp với các địa phương để huy động sức lao động của nhân dân và Đoàn viên Thanh niên để thực hiện.

Kinh phí hỗ trợ: Từ nguồn chi sự nghiệp kinh tế (Chính sách phát triển giao thông nông thôn) trong dự toán Ngân sách tỉnh năm 2023 theo Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 của UBND tỉnh là 3,0 tỷ đồng.

13. Thời gian thực hiện: Năm 2023.

14. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư: Không thực hiện.

15. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Sở Giao thông vận tải, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Thanh Hóa (chủ đầu tư) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về nội dung hồ sơ dự án trình thẩm định, phê duyệt.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình. Trong bước tiếp theo, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các kiến nghị của Sở Giao thông vận tải tại báo cáo thẩm định số 3771/SGTVT-TĐKHKT ngày 30/6/2023.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện: Mường Lát, Quan Sơn, Như Thanh, Thường Xuân, Lang Chánh, Như Xuân và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN (V).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

Phụ lục số 1: Vị trí xây dựng các tuyến đường giao thông liên thôn, liên bản tại các xã khó khăn thuộc các huyện Mường Lát, Quan Sơn, Như Thanh, Thường Xuân, Láng Chánh, Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa
(Kèm theo Quyết định số: _____/QĐ-UBND ngày _____ tháng _____ năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Đơn vị	Tên tuyến	Chiều dài (Km)	Điểm đầu	Điểm cuối
I	H. Mường Lát		34,5		
1	Xã Mường Lý	Tuyến 1: Xã Mường Lý, bản Trung Tiến đến Bản Ún	8,0	Cuối bản Trung Tiến	Đầu bản Ún
2	Xã Pù Nhi	Tuyến 2: Xã Pù Nhi, từ hộ gia đình ông Lâu Văn Cựa bản Pha Đén đến hộ gia đình ông Lâu Văn Xa bản Pha Đén	5,0	Hộ gia đình ông Lâu Văn Cựa	Hộ gia đình ông Lâu Văn Xa
		Tuyến 3: Xã Pù Nhi, từ hộ gia đình ông Va Dị Lênh bản Pù Ngùa đến hộ gia đình ông Thao Văn Pó bản Pù Ngùa	6,0	Hộ gia đình ông Va Dị Lênh	Hộ gia đình ông Thao Văn Pó
3	Xã Tam Chung	Tuyến 4: Xã Tam Chung, từ hộ gia đình ông Hà Văn Dũng (cuối bản Pọng) đến Hang Da Báo (giáp bản Ón)	7,5	Hộ gia đình ông Hà Văn Dũng	hang Da Báo
4	Xã Trung Lý	Tuyến 5: Xã Trung Lý, từ Quốc lộ 15C đến hộ ông Giàng A Pó (bản Khảm 2)	4,3	Quốc lộ 15C	Hộ ông Giàng A Pó
		Tuyến 6: Xã Trung Lý, từ Quốc lộ 15C đến hộ ông Sùng A Chu (bản Khảm 1)	3,7	Quốc lộ 15C	Hộ ông Sùng A Chu
II	H. Láng Chánh		6,0		
1	Xã Yên Khương	Tuyến 1: Xã Yên Khương, từ ngã ba Bản Chí Lý (Nậm Đanh bản xã) đến suối Na Lộc bản Xã	1,0	Nga ba bản Chí Lý	Suối Na Lộc
		Tuyến 2: Xã Yên Khương, từ hộ gia đình nhà bà Hòa bản Bôn đến đầu bản Xã	1,6	Hộ gia đình bà Hòa	Đầu bản Xã
		Tuyến 3: Xã Yên Khương, từ hộ gia đình ông Lò Văn Kéo bản Xắng Hăng đến suối Xắng	1,6	Hộ gia đình ông Lò Văn Kéo	Suối Xắng
		Tuyến 4: Xã Yên Khương, từ đầu dốc suối Muồng bản Yên Bình đến hộ gia đình ông Lương Văn Xem bản Yên Bình	1,8	Đầu dốc suối Muồng	Hộ gia đình ông Lương Văn Xem

TT	Đơn vị	Tên tuyến	Chiều dài (Km)	Điểm đầu	Điểm cuối
III	H. Như Thanh		9,5		
1	Xã Xuân Thái	Tuyến 1: Xã Xuân Thái, từ hộ gia đình bà Lương Thị Nhung thôn Quảng Đại đến hộ gia đình ông Lương Văn Ước thôn Quảng Đại	2,7	Hộ gia đình bà Lương Thị Nhung	Hộ gia đình ông Lương Văn Ước
		Tuyến 2: Xã Xuân Thái, từ hộ gia đình ông Lê Văn Liên thôn Yên Khang đến hộ gia đình ông Bùi Văn Thường thôn Yên Khang	2,0	Hộ gia đình ông Lê Văn Liên	Hộ gia đình ông Bùi Văn Thường
2	Xã Thanh Kỳ	Tuyến 3: Xã Thanh Kỳ, từ hộ gia đình ông Hà Văn Hanh thôn Thanh Trung đến hộ gia đình ông Lương Văn Minh thôn Thanh Trung	2,3	Hộ gia đình ông Hà Văn Hanh	Hộ gia đình ông Lương Văn Minh
		Tuyến 4: Xã Thanh Kỳ, từ hộ gia đình ông Hà Văn Dụ thôn Đồng Ván đến hộ gia đình bà Hà Thị Tâm thôn Đồng Ván	2,5	Hộ gia đình ông Hà Xuân Dương	Hộ gia đình bà Lương Thị Thiêm
IV	H. Quan Sơn		20,7		
1	Xã Sơn Thủy	Tuyến 1: Xã Sơn Thủy, từ hộ gia đình bà Da Thị Dính bản Mùa Xuân đến Hộ gia đình ông Sung Văn Chứ, Bản Mùa Xuân	2,2	Hộ gia đình bà Da Thị Dính	Hộ gia đình ông Sung Văn Chứ
		Tuyến 2: Từ cuối Bản Khả đến đầu bản Muống	2,0	Cuối bản Khả	Đầu bản Muống
		Tuyến 3: Xã Sơn Thủy, từ cuối bản Bản Mùa Xuân đến khu nghĩa địa bản Mùa Xuân	1,0	Cuối bản Mùa Xuân	Khu nghĩa địa
		Tuyến 4: Xã Sơn Thủy, từ cuối bản Mùa Xuân đến khu ruộng tập trung bản Mùa Xuân	1,0	Cuối bản Mùa Xuân	Khu ruộng tập trung
		Tuyến 5: Xã Sơn Thủy, từ sân bóng khu trường Tiểu học Mầm Non bản Xía Nọi đến hộ gia đình ông Sung Văn Chứ	2,0	Sân bóng trường Tiểu học, Mầm non bản Xía Nọi	Hộ gia đình ông Sung Văn Chứ
		Tuyến 6: Xã Sơn Thủy, từ cuối bản Xía Nọi đến khu nghĩa địa bản Xía Nọi	1,2	Cuối bản Xía Nọi	Nghĩa địa bản Xía Nọi
		Tuyến 7: Xã Sơn Thủy, từ cuối bản Xía Nọi đến khu ruộng tập trung bản Xía Nọi	4,3	Cuối bản Xía Nọi	Khu ruộng tập trung
		Tuyến 8: Xã Sơn Thủy, từ ngã ba bản Khả xã Sơn Thủy đến Nà Ha bản Khả xã Sơn Thủy	2,0	Ngã ba bản Khả	Nà Ha bản Khả

TT	Đơn vị	Tên tuyến	Chiều dài (Km)	Điểm đầu	Điểm cuối
2	Xã Na Mèo	Tuyến 9: Xã Na Mèo, từ cuối bản Ché Lầu đến khu nghĩa địa bản Ché Lầu	1,7	Cuối bản Ché Lầu	Khu ruộng tập trung
		Tuyến 10: Xã Na Mèo, từ cuối bản Ché Lầu đến khu ruộng tập trung mới khai hoang	1,6	Cuối bản Ché Lầu	Khu ruộng tập trung
		Tuyến 11: Xã Na Mèo, từ cuối bản Ché Lầu xã Na Mèo đến đầu bản Mùa Xuân xã Sơn Thủy	1,7	Cuối bản Ché Lầu	đầu bản Mùa Xuân
V	H. Như Xuân		2,3		
1	Xã Thanh Sơn	Tuyến 1: Xã Thanh Sơn, từ hộ gia đình ông Tỏa Huấn thôn Đồng Chạng đến hộ gia đình ông Thề Nguyễn thôn Kẻ Mạnh 1	0,8	Hộ gia đình ông Tỏa Huấn thôn Đồng Chạng	Hộ gia đình ông Thề Nguyễn thôn Kẻ Mạnh 1
		Tuyến 2: Xã Thanh Sơn, từ hộ gia đình ông Thủy Du thôn Quăn 1 đến hộ gia đình ông Lương Văn Nam thôn Quăn 1	1,5	Hộ gia đình ông Thủy Du thôn Quăn 1	Hộ gia đình ông Lương Văn Nam thôn Quăn 1
VI	H. Thường Xuân		2,0		
1	Xã Luận Khê	Từ thôn An Nhân đi thôn Hún Thượng	2,0	Hộ gia đình ông Thỏ thôn An Nhân	Hộ gia đình ông Quế thôn Hún Thượng
Tổng cộng			75,0		

Phụ lục số 2: Tổng mức đầu tư

**Dự án đường giao thông liên thôn, liên bản tại các xã khó khăn thuộc các huyện Mường Lát,
Quan Sơn, Như Thanh, Thường Xuân, Láng Chánh, Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: đồng

TT	Đơn vị	Chi phí Xây dựng	Chi phí QLDA	Chi phí TVXD	Chi phí khác	Tổng mức đầu tư
I	H. Mường Lát	6.474.153.000	179.334.000	44.024.000	1.273.000	6.698.784.000
	Kinh phí đề nghị xin hỗ trợ	1.380.000.000				1.380.000.000
	Kinh phí Tỉnh đoàn huy động	5.094.153.000	179.334.000	44.024.000	1.273.000	5.318.784.000
II	H. Láng Chánh	1.423.741.000	39.438.000	9.681.000	280.000	1.473.140.000
	Kinh phí đề nghị xin hỗ trợ	240.000.000				240.000.000
	Kinh phí Tỉnh đoàn huy động	1.183.741.000	39.438.000	9.681.000	280.000	1.233.140.000
III	H. Như Thanh	2.158.839.000	59.800.000	14.680.000	424.000	2.233.743.000
	Kinh phí đề nghị xin hỗ trợ	380.000.000				380.000.000
	Kinh phí Tỉnh đoàn huy động	1.778.839.000	59.800.000	14.680.000	424.000	1.853.743.000
IV	H. Quan Sơn	4.629.572.000	128.239.000	31.481.000	910.000	4.790.202.000
	Kinh phí đề nghị xin hỗ trợ	828.000.000				828.000.000
	Kinh phí Tỉnh đoàn huy động	3.801.572.000	128.239.000	31.481.000	910.000	3.962.202.000
V	H. Như Xuân	486.400.000	13.473.000	3.308.000	96.000	503.277.000
	Kinh phí đề nghị xin hỗ trợ	92.000.000				92.000.000
	Kinh phí Tỉnh đoàn huy động	394.400.000	13.473.000	3.308.000	96.000	411.277.000
VI	H. Thường Xuân	373.676.000	10.351.000	2.541.000	73.000	386.641.000
	Kinh phí đề nghị xin hỗ trợ	80.000.000				80.000.000
	Kinh phí Tỉnh đoàn huy động	293.676.000	10.351.000	2.541.000	73.000	306.641.000
	Tổng hợp					
	Kinh phí UBND tỉnh hỗ trợ	3.000.000.000	0	0	0	3.000.000.000
	Kinh phí Tỉnh đoàn huy động	12.546.381.000	430.635.000	105.715.000	3.056.000	13.085.787.000
	Tổng cộng	15.546.381.000	430.635.000	105.715.000	3.056.000	16.085.787.000

Phụ lục số 03: Bảng chi tiết kinh phí hỗ trợ
Dự án đường giao thông liên thôn, liên bản tại các xã khó khăn thuộc các huyện Mường Lát,
Quan Sơn, Như Thanh, Thường Xuân, Láng Chánh, Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: đồng

TT	Đơn vị	Tên tuyến	Chiều dài (Km)	Kinh phí hỗ trợ phần xây dựng
I	H. Mường Lát		34,5	1.380.000.000
1	Xã Mường Lý	Tuyến 1: Xã Mường Lý, bản Trung Tiến đến Bản Ún	8,0	320.000.000
2	Xã Pù Nhi	Tuyến 2: Xã Pù Nhi, từ hộ gia đình ông Lâu Văn Cựa bản Pha Đén đến hộ gia đình ông Lâu Văn Xa bản Pha Đén	5,0	200.000.000
		Tuyến 3: Xã Pù Nhi, từ hộ gia đình ông Va Dị Lênh bản Pù Ngùa đến hộ gia đình ông Thao Văn Pó bản Pù Ngùa	6,0	240.000.000
3	Xã Tam Chung	Tuyến 4: Xã Tam Chung, từ hộ gia đình ông Hà Văn Dũng (cuối bản Pọng) đến Hang Da Báo (giáp bản Ôn)	7,5	300.000.000
4	Xã Trung Lý	Tuyến 5: Xã Trung Lý, từ Quốc lộ 15C đến hộ ông Giàng A Pó (bản Khăm 2)	4,3	172.000.000
		Tuyến 6: Xã Trung Lý, từ Quốc lộ 15C đến hộ ông Sùng A Chu (bản Khăm 1)	3,7	148.000.000
II	H. Láng Chánh		6,0	240.000.000
1	Xã Yên Khương	Tuyến 1: Xã Yên Khương, từ ngã ba Bản Chí Lý (Nậm Đanh bản xã) đến suối Na Lộc bản Xã	1,0	40.000.000
		Tuyến 2: Xã Yên Khương, từ hộ gia đình nhà bà Hòa bản Bôn đến đầu bản Xã	1,6	64.000.000
		Tuyến 3: Xã Yên Khương, từ hộ gia đình ông Lò Văn Kéo bản Xắng Hắng đến suối Xắng	1,6	64.000.000
		Tuyến 4: Xã Yên Khương, từ đầu dốc suối Muống bản Yên Bình đến hộ gia đình ông Lương Văn Xem bản Yên Bình	1,8	72.000.000

TT	Đơn vị	Tên tuyến	Chiều dài (Km)	Kinh phí hỗ trợ phần xây dựng
III	H. Như Thanh		9,5	380.000.000
1	Xã Xuân Thái	Tuyến 1: Xã Xuân Thái, từ hộ gia đình bà Lương Thị Nhung thôn Quảng Đại đến hộ gia đình ông Lương Văn Ước thôn Quảng Đại	2,7	108.000.000
		Tuyến 2: Xã Xuân Thái, từ hộ gia đình ông Lê Văn Liên thôn Yên Khang đến hộ gia đình ông Bùi Văn Thường thôn Yên Khang	2,0	80.000.000
2	Xã Thanh Kỳ	Tuyến 3: Xã Thanh Kỳ, từ hộ gia đình ông Hà Văn Hanh thôn Thanh Trung đến hộ gia đình ông Lương Văn Minh thôn Thanh Trung	2,3	92.000.000
		Tuyến 4: Xã Thanh Kỳ, từ hộ gia đình ông Hà Văn Dụ thôn Đồng Ván đến hộ gia đình bà Hà Thị Tâm thôn Đồng Ván	2,5	100.000.000
IV	H. Quan Sơn		20,7	828.000.000
1	Xã Sơn Thủy	Tuyến 1: Xã Sơn Thủy, từ hộ gia đình bà Da Thị Dính bản Mùa Xuân đến Hộ gia đình ông Sung Văn Chứ, Bản Mùa Xuân	2,2	88.000.000
		Tuyến 2: Từ cuối Bản Khả đến đầu bản Muống	2,0	80.000.000
		Tuyến 3: Xã Sơn Thủy, từ cuối bản Bản Mùa Xuân đến khu nghĩa địa bản Mùa Xuân	1,0	40.000.000
		Tuyến 4: Xã Sơn Thủy, từ cuối bản Mùa Xuân đến khu ruộng tập trung bản Mùa Xuân	1,0	40.000.000
		Tuyến 5: Xã Sơn Thủy, từ sân bóng khu trường Tiểu học Mầm Non bản Xía Nọi đến hộ gia đình ông Sung Văn Chứ	2,0	80.000.000
		Tuyến 6: Xã Sơn Thủy, từ cuối bản Xía Nọi đến khu nghĩa địa bản Xía Nọi	1,2	48.000.000
		Tuyến 7: Xã Sơn Thủy, từ cuối bản Xía Nọi đến khu ruộng tập trung bản Xía Nọi	4,3	172.000.000
		Tuyến 8: Xã Sơn Thủy, từ ngã ba bản Khả xã Sơn Thủy đến Nà Ha bản Khả xã Sơn Thủy	2,0	80.000.000

TT	Đơn vị	Tên tuyến	Chiều dài (Km)	Kinh phí hỗ trợ phần xây dựng
2	Xã Na Mèo	Tuyến 9: Xã Na Mèo, từ cuối bản Ché Lầu đến khu nghĩa địa bản Ché Lầu	1,7	68.000.000
		Tuyến 10: Xã Na Mèo, từ cuối bản Ché Lầu đến khu ruộng tập trung mới khai hoang	1,6	64.000.000
		Tuyến 11: Xã Na Mèo, từ cuối bản Ché Lầu xã Na Mèo đến đầu bản Mùa Xuân xã Sơn Thủy	1,7	68.000.000
V	H. Như Xuân		2,3	92.000.000
1	Xã Thanh Sơn	Tuyến 1: Xã Thanh Sơn, từ hộ gia đình ông Tỏa Huấn thôn Đồng Chạng đến hộ gia đình ông Thề Nguyễn thôn Kẻ Mạnh 1	0,8	32.000.000
		Tuyến 2: Xã Thanh Sơn, từ hộ gia đình ông Thủy Du thôn Quăn 1 đến hộ gia đình ông Lương Văn Nam thôn Quăn 1	1,5	60.000.000
VI	H. Thường Xuân		2,0	80.000.000
1	Xã Thanh Sơn	Tuyến 1: Xã Luận Khê, từ thôn An Nhân đi thôn Hún Thượng	2,0	80.000.000
Tổng cộng			75,0	3.000.000.000